

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 18/06 – 24/06

PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
VÀ GIÁM SÁT GIAO DỊCH VỐN

Mỹ	Tuần này, chỉ số DXY tăng 0,23% lên mức 105,79 vào cuối tuần sau khi Mỹ công bố dữ liệu sơ bộ chỉ số PMI tháng 6 vượt dự báo: PMI sản xuất đạt 51,7 vượt kì vọng 51,0; PMI dịch vụ đạt 55,1 so với kỳ vọng 53,4, số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm xuống mức 238.000 so với mức 243.000 vào tuần trước. Các nhà phân tích cho rằng, với việc các NHTW lớn khác đang áp dụng quan điểm lãi suất ôn hòa hơn dự kiến, đồng USD có thể tiếp tục có xu hướng ổn định trong ngắn hạn và trung hạn.
Khu vực đồng Euro	EUR giảm 0,08% trong tuần này, EUR/USD chốt tuần ở mức 1,0691 sau khi kết quả khảo sát sơ bộ trong tháng 6 cho thấy lĩnh vực dịch vụ ở Pháp bị thu hẹp trong tháng 5 (PMI dịch vụ đạt 48,8 so với dự kiến 50), và dữ liệu cho thấy tăng trưởng kinh tế Đức có dấu hiệu chững lại (chỉ số PPI giảm 2,2% so với cùng kỳ).
Anh	GBP giảm 0,29% và chốt tuần ở mức 1,2645, gần mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5 do ảnh hưởng bởi tâm lý của thị trường về cuộc bầu cử sắp tới tại Anh vào ngày 4/7. Trong tuần, BOE đã quyết định giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp chính sách ngày 20/05 mặc dù tỷ lệ lạm phát ở Anh đã giảm về mức mục tiêu 2%.
Nhật Bản	USD/JPY tăng 1,54% và chốt tuần ở mức 159,79. Đồng JPY vẫn chịu áp lực sau quyết định trong tuần trước của NHTW Nhật Bản về trì hoãn việc giảm nới lỏng và sẽ công bố kế hoạch giảm nới lỏng vào cuộc họp tháng 7. Chính phủ Nhật Bản khẳng định sẵn sàng thực hiện hành động "kiên quyết" hơn nữa chống lại "sự biến động quá mức của đồng JPY" trong bối cảnh USD/JPY vẫn có xu hướng tăng sau động thái can thiệp của chính phủ vào tháng 4.
Trung Quốc	USD/CNY tăng 0,07% lên mức 7,2610 vào phiên cuối tuần, gần mức cao nhất trong 6 tháng trong bối cảnh các dữ liệu kinh tế dưới kỳ vọng: chỉ số sản xuất công nghiệp T5 tăng 5,6% yoy so với kỳ vọng 6,7%, chỉ số PMI sơ bộ chỉ đạt 51,2 so với kỳ vọng 53,0. Đồng CNY vẫn đang chịu áp lực khi các nhà đầu tư đang nghi ngờ về đà phục hồi kinh tế của nước này.

Lãi suất

- Lãi suất MM kỳ hạn O/N-1W **giảm 0,8% – 1%** xuống mức **3,42% - 3,76%/năm**, 1M **giảm 16bps** xuống mức **4,74%/năm**.
- Trong tuần, thị trường mở ở trạng thái hút ròng: lượng reverse repo đáo hạn là ~5.057 tỷ VND; khối lượng tín phiếu trúng thầu đạt 30.700 tỷ VND so với lượng đáo hạn ~2.700 tỷ VND. Lãi suất trúng thầu tín phiếu không đổi ở mức 4,25%/năm.
- Trong tuần từ 24/06, dự kiến đáo hạn ~ 30.200 tỷ VND tín phiếu. Trong bối cảnh thanh khoản vẫn dư thừa và lãi suất trúng thầu vẫn ở mức cao, mặt bằng lãi suất MM dự kiến sẽ duy trì quanh mức 4%/năm.

Tỷ giá

- USD/VND LNH **tăng ~ 0,4bps** so với tuần trước trong bối cảnh USD mạnh lên và nhu cầu mua vẫn lấn át mức cung. Tỷ giá LNH đã **tăng ~4,97%** kể từ đầu năm và **tăng 8,30%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá thị trường tự do giữ ở mức **25.846** (chiều bán), cao hơn **~378 đồng** so với tỷ giá bán niêm yết của VCB.
- Trong tuần, NHNN tiếp tục thực hiện bình ổn giá vàng qua việc bán vàng trực tiếp thông qua 4 NHTM NN, giá vàng SJC chốt tuần ở mức ~77 triệu đồng/lượng chiều bán ra, khoảng cách với giá vàng quốc tế ổn định ở mức ~ 5-6 triệu đồng/lượng.
- Tuần tới, tỷ giá LNH dự kiến dao động trong khoảng +/- 50 đồng.

Trái phiếu chính phủ

Sơ cấp

- Trong tuần, KBNN phát hành thành công **8.231 tỷ VND/ 10.500 tỷ VND** gọi thầu. Tổng khối lượng phát hành từ đầu năm đạt **142.952 tỷ VND**, đạt **35,7%** kế hoạch cả năm (400 nghìn tỷ đồng).
- Tỷ lệ trúng thầu kỳ hạn 5 năm đạt 50%, 10 năm đạt 100%, kỳ hạn 15 năm đạt 13%, và kỳ hạn 15 năm đạt 6%.
- Lợi suất trúng thầu hạn 5 năm, 10 năm và 30 năm giữ nguyên ở mức **2,2%/năm, 3,1%/năm, và 3,3%/năm**, kỳ hạn 15 năm **giảm 5bps** xuống mức **3,1%/năm**.

Thứ cấp

- Lãi suất TPCP thứ cấp các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm** trong bối cảnh lãi suất MM giảm trong tuần này. Lợi suất ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm 0,6 – 4,2 bps** lần lượt còn **1,96%/năm, 2,77%/năm và 2,95%/năm**.
- Dự kiến với lãi suất tín phiếu và reverse đang ở mức 4,5%/năm và 4,25%/năm, và mặt bằng MM vẫn ở mức cao, lợi suất trong tuần có thể dao động trong vòng 5-10 bps.

Cà phê

- Thị trường cà phê có xu hướng **tăng** trong tuần này. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9 tăng lên mức **4.176 USD/tấn** trong bối cảnh nguồn cung tại Việt Nam bị thắt chặt, điều này cũng kéo giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9 tăng lên mức **2,3035 USD/lb**.

Ngũ cốc

- Giá lúa mì **giảm 8,06%** so với tuần trước, xuống mức **5,7 USD/brushel** khi dự báo mưa lớn kéo dài ở khu vực trồng lúa mì tại Mỹ trong 2 tuần tới. Tin tức này cũng kéo giá ngô giảm xuống trong tuần, **giảm 4,09%** so với tuần trước xuống mức **4,39 USD/brushel**.

Kim loại

- Giá đồng **tăng 1,74%** lên mức **4,56 USD/lb** do nhà đầu tư hy vọng nhu cầu cải thiện ở Trung Quốc sau khi giá giảm gần đây. Quặng sắt **tăng 0,79%** lên mức **107,11 USD/tấn**, quặng sắt đang dao động ở mức hẹp khi các thương nhân đang cân nhắc lượng tồn kho tại cảng và triển vọng thị trường thép tại Trung Quốc.

Năng lượng

- Giá dầu có xu hướng **tăng** sau khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ báo cáo dự trữ dầu thô giảm và thị trường tiếp tục kỳ vọng NHTW Mỹ giảm lãi suất khi thị trường việc làm có dấu hiệu hạ nhiệt. Cụ thể, dầu WTI **tăng 3,43%** đạt **81,32 USD/thùng**, trong khi đó dầu Brent tăng **3,49%** chạm mức **85,64 USD/thùng**.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

	21/06/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Chỉ số USD	105,796		▲ 0,23%	▲ 1,07%	▲ 4,40%	▲ 3,65%
EUR/USD	1,0691		▼ -0,08%	▼ -1,38%	▼ -3,13%	▼ -2,67%
GBP/USD	1,2645		▼ -0,29%	▼ -0,74%	▼ -0,66%	▼ -0,97%
AUD/USD	0,6639		▲ 0,38%	▼ -0,20%	▼ -2,51%	▼ -2,31%
USD/JPY	159,790		▲ 1,54%	▲ 1,58%	▲ 13,28%	▲ 12,62%
USD/CNY	7,2609		▲ 0,07%	▲ 0,27%	▲ 2,30%	▲ 1,16%
USD/KRW	1.387,01		▲ 0,37%	▲ 0,39%	▲ 7,15%	▲ 7,66%
Giá vàng (USD/oz)	2.322,8		▼ -0,44%	▼ -0,20%	▲ 12,60%	▲ 20,17%
Tỷ giá VCB bán	25.468		▲ 0,03%	▼ -0,02%	▲ 4,21%	▲ 7,51%
Tỷ giá trung tâm	24.256		▲ 0,03%	▼ -0,02%	▲ 1,63%	▲ 2,23%
Tỷ giá SBV mua	23.400		■ 0,00%	■ 0,00%	■ 0,00%	▲ 0,00%
Tỷ giá SBV bán	25.450		■ 0,00%	■ 0,00%	▲ 1,76%	▲ 2,36%
Tỷ giá TT tự do	25.846		▲ 0,11%	▼ -0,03%	▲ 4,26%	▲ 9,42%
Giá vàng SJC	76.980		■ 0,00%	▼ -13,02%	▲ 4,03%	▲ 15,15%

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

	21/06/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Lãi suất SOFR đơn vị: % đơn vị: bps						
3M	5,35		▲ 1,3	▲ 1,5	▼ -0,9	▲ 26,3
6M	5,34		▲ 0,1	▲ 0,2	▲ 1,3	▲ 11,5
TPCP Mỹ đơn vị: %						
2Y	4,73		▲ 2,8	▼ -14,4	▲ 48,4	▲ 1,5
10Y	4,26		▲ 3,7	▼ -24,5	▲ 39,1	▲ 53,2
Lãi suất MM đơn vị: % đơn vị: điểm %						
1W	3,76		▼ -0,82	▲ 0,06	▲ 0,48	▲ 2,81
1M	4,74		▼ -0,16	▼ -0,26	▲ 2,18	▲ 1,74
Lãi suất repo đơn vị: % đơn vị: điểm %						
2W	0,50		▼ -4,30	▼ -4,20	▼ -2,20	▼ -1,00
1M	0,75		▼ -4,15	▼ -4,35	▼ -1,95	▼ -2,15
TPCP VN thứ cấp đơn vị: % đơn vị: bps						
5Y	1,959		▼ -0,6	▼ -7,8	▲ 42,6	▼ -22,1
7Y	2,259		▼ -1,7	▼ -5,5	▲ 31,8	▼ -8,1
10Y	2,768		▼ -2,6	▼ -8,1	▲ 53,1	▲ 8,7
15Y	2,950		▼ -4,2	▼ -7,1	▲ 51,5	▲ 5,1

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ

Đơn vị		05/23	06/23	07/23	08/23	09/23	10/23	11/23	12/23	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24
Chỉ báo tiêu dùng														
Bán lẻ, dịch vụ	% yoy	11,5	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	8,7
- Bán lẻ hàng hoá	% yoy	10,9	6,0	7,0	7,5	7,4	6,7	9,1	8,6	7,3	7,0	7,6	7,2	7,4
- Dịch vụ lưu hành	% yoy	40,3	7,8	6,5	21,3	44,9	51,4	70,9	71,3	18,5	35,8	66,1	57,6	45,1
Vận tải hành khách	% yoy	13,6	1,8	5,3	5,9	5,7	6,5	5,1	8,5	3,0	14,3	9,4	8,2	6,1
Vận tải hàng hoá	% yoy	20,7	10,9	9,8	13,6	12,5	11,9	7,7	8,2	1,8	13,5	13,3	11,5	11,4
Khách quốc tế	% yoy	429,8	312,0	194,6	150,3	144,1	129,7	106,6	93,9	10,3	64,1	78,6	58,2	64,9
Chỉ báo sản xuất														
Sản xuất công nghiệp	yoy	0,1	2,8	3,7	2,6	5,1	4,1	5,8	5,8	18,3	5,7	4,1	6,3	6,8
- Chế biến chế tạo	yoy	-0,5	2,9	3,6	3,5	5,9	4,9	6,3	7,6	19,3	5,9	4,6	7,0	7,3
PMI ngành sản xuất	chỉ số	45,3	46,2	48,7	50,5	49,7	49,6	47,3	48,9	50,3	50,4	49,9	50,3	50,3
PMI-chỉ số việc làm	chỉ số	47,2	45,0	48,5	49,7	48,3	50,1	48,8	49,9	49,7	50,9	52,1		
Tỷ lệ thất nghiệp (quý)	%				2,3			2,3			2,2			
Sử dụng lao động - CBCT	% yoy	-4,8	-4,5	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,3	1,1	3,4	3,4
Tổng vốn đầu tư	% yoy				7,6			7,5			5,2			
Đầu tư nước ngoài														
Vốn đăng ký mới	tỷ USD	2,0	2,6	2,8	1,9	2,1	5,6	3,1	7,8	2,4	1,9	0,5	2,3	
- Chế biến chế tạo	tỷ USD	1,5	1,8	2,5	1,4	1,7	4,8	2,1	2,5	0,9	1,6	1,4	1,1	
Vốn giải ngân	tỷ USD	1,8	2,4	1,6	1,5	2,8	2,1	2,3	2,9	1,5	2,5	3,5	4,5	
Thương mại														
Xuất khẩu hàng hóa	% yoy	-5,9	-11,4	-3,5	-7,6	4,6	5,9	6,7	13,1	42,0	-5,0	14,2	10,6	15,2
Nhập khẩu hàng hóa	% yoy	-18,4	-16,9	-9,9	-8,3	2,6	5,2	5,1	12,3	33,3	1,8	9,7	15,4	18,2
Cán cân hàng hóa	tỷ USD	2,0	3,1	2,2	3,8	2,3	3,0	1,3	2,3	2,9	1,1	2,9	0,7	-1,0
Cán cân dịch vụ (quý)	tỷ USD				-2,6			-2,8			-2,3			
Chỉ số giá														
Lạm phát toàn phần	% yoy	2,4	2,0	2,1	3,0	3,7	3,6	3,4	3,6	3,4	4,0	3,8	3,9	4,0
Lạm phát cơ bản	% yoy	4,5	4,3	4,1	4,0	3,8	3,4	3,2	3,0	2,7	3,0	2,8	2,8	2,8
Chỉ số giá đầu vào - PMI	chỉ số	48,4	47,6	48,3	52,8	54,7	55,8	55,9	55,5	55,6	55,0	53,0		
Chỉ số giá đầu ra - PMI	chỉ số	48,4	45,9	46,0	51,2	51,9	52,4	52,1	50,2	49,7	50,8	49,6		8

Một số dữ liệu công bố đáng chú ý trong tuần từ **24/06-28/06**

24/06

✓ **Trung Quốc:** FDI tháng 5 (yoy)

25/06

✓ **Mỹ:** Chỉ số giá nhà ở tháng 4 (mom) (yoy)

26/06

✓ **Mỹ:** Doanh số bán nhà tháng 5 (mom) (yoy)

✓ **Nhật Bản:** Doanh số bán lẻ tháng 5 (yoy)

✓ **Trung Quốc:** Lợi nhuận khu vực công nghiệp 5 tháng (ytd)

27/06

✓ **Khu vực đồng Euro:** Chỉ số niềm tin người tiêu dùng

✓ **Mỹ:** Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu, GDP Q1/2024, PCE lõi Q1/2024 (qoq)

✓ **Nhật Bản:** CPI tháng 5 (mom) (yoy), tỷ lệ thất nghiệp tháng 5

28/06

✓ **Anh:** GDP Q1/2024 (qoq) (yoy)

✓ **Đức:** Doanh số bán lẻ tháng 5 (mom) (yoy), tỷ lệ thất nghiệp sơ bộ tháng 6

✓ **Pháp:** CPI sơ bộ tháng 6 (mom) (yoy)

✓ **Mỹ:** Chỉ số thu nhập cá nhân tháng 5, lạm phát PCE tháng 5 (mom) (yoy)

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây. Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này. Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB. Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật.

*Thông tin liên hệ: Phòng Phát triển sản phẩm và Giám sát giao dịch vốn
Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137
Email: @vietcombank.com.vn*